

CHÍNH PHỦ
Số: 07/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH
Về chính sách cứu trợ xã hội

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;
Căn cứ Pháp lệnh phòng chống bạo lực ngày 08 tháng 3 năm 1993;
Căn cứ Pháp lệnh về người tàn tật ngày 30 tháng 7 năm 1998;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định một số chính sách và chế độ cứu trợ xã hội nhằm hỗ trợ, giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật nặng, người gặp rủi ro do thiên tai và những lý do bất khả kháng khác mà bản thân họ và người thân của họ không thể tự khắc phục được (sau đây gọi chung là người thuộc diện cứu trợ xã hội).

Điều 2. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự nguyện giúp đỡ Người thuộc diện cứu trợ xã hội.

Điều 3. Việc cứu trợ xã hội chủ yếu được thực hiện tại gia đình và tại cộng đồng - nơi người thuộc diện cứu trợ xã hội cư trú. Việc hỗ trợ nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo

trợ xã hội chỉ áp dụng cho người cô đơn không nơi nương tựa hoặc đặc biệt khó khăn.

Điều 4. Tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và nguồn tài chính để nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn lâu dài với mức tối thiểu trở lên theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch của Nhà nước, không yêu cầu Nhà nước hỗ trợ kinh phí, được phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chính phủ ban hành "Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội".

Điều 5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của người thuộc diện cứu trợ xã hội và khả năng nguồn lực của địa phương để quy định mức trợ cấp xã hội, nhưng không thấp hơn mức trợ cấp quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Chương II

CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI THƯỜNG XUYỀN

Điều 6. Người thuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên tại xã, phường quản lý gồm:

1. Trẻ em mồ côi là trẻ em dưới 16 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bị mất nguồn nuôi dưỡng và không còn người thân thích để nương tựa; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 88 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật;
2. Người già cô đơn không nơi nương tựa là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân. Người già còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, không có nguồn thu nhập. Trường hợp là phụ nữ cô đơn không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập, từ đủ 55 tuổi trở lên, hiện đang được hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội vẫn tiếp tục được hưởng;
3. Người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không có nơi nương tựa; người tàn tật nặng tuy có người thân thích nhưng họ già yếu hoặc gia đình nghèo không đủ khả năng kinh tế để chăm sóc;

4. Người tâm thần mãn tính là người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện đói nghèo.

Điều 7. Người thuộc diện cứu trợ xã hội quy định tại Điều 6 của Nghị định này thuộc diện đặc biệt khó khăn không tự lo được cuộc sống thì được xem xét tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 8. Những người có hoàn cảnh như người thuộc diện cứu trợ xã hội nhưng còn nơi nương tựa, có nguồn nuôi dưỡng mà gia đình làm đơn tự nguyện đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, được cấp có thẩm quyền đồng ý thì gia đình phải chịu mọi chi phí theo quy định.

Ngân sách Nhà nước không hỗ trợ kinh phí cho đối tượng nói tại Điều này.

Điều 9.

1. Trẻ em từ 13 tuổi trở lên thuộc các cơ sở bảo trợ xã hội không còn học văn hóa thì được giới thiệu đến các trung tâm dạy nghề để học nghề theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trẻ em đã trưởng thành, người tàn tật đã phục hồi chức năng, người bệnh tâm thần đã ổn định, đang ở cơ sở bảo trợ xã hội thì được đưa trở về địa phương. Ủy ban nhân dân xã, phường, gia đình có trách nhiệm tiếp nhận và tạo điều kiện cho họ có việc làm và hoà nhập với cộng đồng.

Điều 10.

1. Mức trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên tối thiểu do xã, phường quản lý bằng 45.000 đồng/người/tháng.

2. Mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng tối thiểu tại cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước bằng 100.000 đồng/người/tháng; riêng đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổi phải ăn thêm sữa, mức trợ cấp bằng 150.000 đồng/người/tháng.

Điều 11. Ngoài trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này, các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc nhà nước quản lý được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau :